TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22-02-2021
V/v ''Ly hôn giữa chị Th với anh Q ''

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hưng;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành; ông Niê Y Chiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Ker B'Krông – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2020 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Th ; sinh năm 1987;
Địa chỉ: Buôn Tr, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; có mặt;

Bị đơn: Anh Mai Văn Q ; sinh năm 1984;
Địa chỉ: Buôn Tr, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trương Thị Th trình bày:

Chị và anh Mai Văn Q tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Lắk vào ngày 02/5/2008; sau đó vợ chồng chung sống và đăng ký thường trú cùng gia đình bên chồng. Do không có công ăn, việc làm nên anh chị đi TPHCM làm thuê và đã có con chung là Mai Thị Lan A, sinh ngày 13/9/2008 và Mai Thị Tuyết Nh, sinh ngày 17/01/2014.

Mặc dù đã có 02 con chung với nhau nhưng cuộc sống vợ chồng thường hay xảy ra bất đồng dẫn đến vợ chồng không thực sự hạnh phúc, không quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Do hoàn cảnh đều là công nhân lao động phổ thông, công việc không ổn định, thường phải ở trọ nhiều nơi, các con của anh chị phải gửi cho ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng khi mới 01 tuổi. Năm 2012, vợ chồng dự định thôi không đi làm ăn xa nữa để có điều kiện chăm sóc con cái nên đã vay mượn mua được mảnh rẫy khoảng 01 ha tại xã B Tr, đã dựng căn nhà nhỏ để ở và làm rẫy cà phê. Do không có vốn liếng, thu nhập kiếm sống hằng ngày chật vật nên vợ chồng anh

chị lại tiếp tục đi làm thuê ở TPHCM. Năm 2015, khi cháu thứ hai được 01 năm tuổi, vợ chồng bàn bạc với nhau, chị ở lại làm thuê, anh Q về ở với ông bà nội để vừa tiện chăm sóc 02 con vừa chăm sóc mảnh rẫy của hai vợ chồng. Từ sau thời gian đó, vợ chồng càng ngày càng xa cách nhau hơn về tình cảm mặc dù chị Th vẫn thường xuyên về thăm gia đình. Từ khoảng năm 2018 đến nay thì vợ chồng sống ly thân, chị Th vẫn gửi tiền về chu cấp Th để anh Q nuôi hai cháu. Năm 2020, do dịch bệnh, không có việc làm, thu nhập thấp nên chị mới gửi được ba lần, mỗi lần 1.000.000 đồng về để anh Q , ông bà thêm vào nuôi hai cháu.

Nay chị Th xác định giữa anh chị không còn yêu thương, gắn bó với nhau nên không thể chung sống hạnh phúc; vì vậy, chị Th đề nghị được ly hôn với anh Q .

Về con, mặc dù chị cũng rất mong muốn được trực tiếp nuôi các con nhưng hiện nay điều kiện công việc, nơi ở của chị Th không ổn định, hơn nữa các con của anh chị đã được ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng từ nhỏ nên theo chị thì tiếp tục để các con ở với anh Q . Về phần cấp dưỡng nuôi con, hiện nay đang dịch bệnh xã hội, công việc bấp bênh, thu nhập không ổn định nên thu nhập rất eo hẹp nhưng chị sẽ cấp dưỡng nuôi hai con theo hằng tháng với mức 1.500.000 đồng, khi điều kiện thu nhập khá hơn, chị sẽ chu cấp Th .

Về tài sản, mặc dù khoản vay để mua rẫy chị Th vẫn còn nợ bên nhà ngoại và đất rẫy hiện nay anh Q vẫn đang kinh doanh cây cà phê nhưng thu nhập cũng không đáng kể, chị sẽ lo trả nợ và để rẫy lại cho anh Q sử dụng; chị Th không yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ.

Qua xác minh địa phương, anh Mai Văn Q cùng các con cư trú cùng nhà với bố, mẹ của anh Q là ông Mai Văn Th, bà Nguyễn Thị Tr ở Buôn Tr, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Ngoài việc làm nông, chăm sóc con, anh Q còn đi làm thuê ở Bình Phước kiếm thêm thu nhập phụ giúp gia đình.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị Thêm, Tòa án đã thông báo cho anh Q biết yêu cầu, nguyện vọng của chị Th nhưng anh Q vắng mặt tại địa phương nên Tòa án đã tống đạt văn bản thông qua người thân cùng nơi cư trú là ông Mai Văn Th, bà Nguyễn Thị Tr; ông Th, bà Tr vẫn nhận các văn bản nhưng từ chối ký nhận nên Tòa án đã phải niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh Q vẫn vắng mặt, không trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Th, không có mặt để hòa giải đoàn tụ, hòa giải về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, trong dịp về thăm gia đình, anh Q đã đồng ý để Tòa án lấy lời khai về những nội dung liên quan đến hôn nhân gia đình của anh với chị Th. Theo anh Q thì anh vẫn thường xuyên liên lạc và về thăm gia đình; anh biết chị Th yêu cầu ly hôn nhưng do bận làm ăn ở xa, không có thời gian đến Tòa để giải quyết vụ việc ly hôn. Theo anh Q thì vợ chồng anh chị mặc dù có mâu thuẫn, bất đồng nhưng vẫn có thể đoàn tụ được, nếu chị Th vẫn nhất quyết ly hôn thì anh cũng đành chấp nhận. Vợ chồng cũng đã ly thân nhau một thời gian; các con đang do anh và ông bà nội chăm sóc, nếu ly hôn, anh mong muốn được nuôi cả 02 con; anh có đủ khả năng tài chính để nuôi hai con, không cần chị Th cấp dưỡng; đồng thời anh đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Qua xác minh ông Mai Văn Th, bà Nguyễn Thị Tr (bố mẹ anh Q) thì sau khi

kết hôn, chị Th chuyển khẩu về cùng gia đình ông bà. Về tình cảm vợ chồng anh Q, chị Th, ông bà không nắm rõ nhưng hơn hai năm nay chị Th không về thăm gia đình ông bà và chồng con. Các con của anh Q, chị Th ở với ông bà từ nhỏ, chăm ngoan, học giỏi. Nay vợ chồng ly hôn thì ông bà mong muốn các cháu được ở với anh Q để ông bà giúp đỡ thêm hơn nữa chị Th công việc bấp bênh, nhà cửa đi ở trọ, chi phí sinh hoạt đắt đỏ không thể chăm sóc, nuôi dưỡng các con được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Trương Thị Th ly hôn với anh Mai Văn Q; về con chung, giao cho anh Q được trực tiếp nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Th, chị Th cấp dưỡng cho anh Q nuôi con theo hằng tháng, với mức mỗi cháu là 750.000 đồng cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định về vụ án như sau:

[1] Anh Mai Văn Q cư trú tại huyện Lắk nên Tòa án nhân dân huyện Lắk có thẩm quyền giải quyết đơn yêu cầu ly hôn của chị Th theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình tố tụng, anh Q vắng mặt tại địa phương nên Tòa án không cấp tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh Q được; người thân cùng nơi cư trú của anh Q nhận thay văn bản tố tụng nhưng từ chối ký nhận nên Tòa án phải tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng để anh Q thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, anh Q vắng mặt nhưng đã có yêu cầu được xét xử vắng mặt do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự,.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Xét hôn nhân giữa chị Th và anh Q là hợp pháp; chị Th, anh Q cùng là lao động phổ thông, làm thuê xa gia đình, anh chị đến với nhau hoàn toàn tự nguyện, đã duy trì được quan hệ hôn nhân thời gian khá dài và đã có với nhau hai người con chung. Tuy nhiên, vì cuộc sống khó khăn, vợ chồng anh chị mỗi người một nơi làm thuê kiếm sống; con cái phải gửi ông bà nội trông nom, chăm sóc; thời gian đoàn tụ gia đình bị hạn chế dẫn đến vợ chồng thiếu đi sự gắn bó, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau hằng ngày; dần dần vợ, chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào biết bổn phận người đó. Bên cạnh đó, anh chị không có bà con thân thích khuyên bảo, nhắc nhở, hoà giải nên khoảng hơn hai năm nay anh chị sống ly thân, không duy trì được đời sống chung; không xây dựng được hạnh phúc vợ chồng.

Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị Th, anh Q đã lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: chị Th, anh Q có hai con chung là Mai Thị Lan A, sinh ngày 13/9/2008 và Mai Thị Tuyết Nh, sinh ngày 17/01/2014. Các cháu ở với ông, bà nội từ khi 01 tuổi đến nay, cuộc sống, học tập của các cháu ổn định, phát triển bình thường. Việc giao các con cho anh Q trực tiếp nuôi con đều phù hợp với nguyện vọng của cha, mẹ và của các con; mặt khác khi giao con cho anh Q nuôi sẽ phát huy được sự giúp đỡ của ông, bà nội những lúc cha mẹ làm ăn xa nhà nên cần quyết định giao cả hai con cho anh Q.

Về cấp dưỡng nuôi con, hiện nay chị Th đang làm thuê cho công ty cổ phần Giày Thiên Lộc ở phường Hiệp Thành, Quận 12, TPHCM; mức lương hằng tháng là 5.460.000 đồng; đây là mức thu nhập khá eo hẹp khi mức chi phí cho cuộc sống ở TPHCM là rất cao; trong khi các con của anh chị sinh sống ở vùng nông thôn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, được miễn học phí nên mức cấp dưỡng chị Th tự nguyện đưa ra là 1.500.000 đồng mỗi tháng cho hai con mặc dù là thấp nhưng cũng đủ chi phí tối thiểu để nuôi dưỡng các con và phù hợp với thu nhập của chị Th nên cần ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Th là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị Th với anh Mai Văn Q.

2. Về con chung:

Giao cho anh Mai Văn Q được quyền trực tiếp nuôi các con là Mai Thị Lan A, sinh ngày 13/9/2008 và Mai Thị Tuyết Nh, sinh ngày 17/01/2014.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Trương Thị Th; hằng tháng chị Trương Thị Th cấp dưỡng cho anh Q nuôi hai con chung của anh chị với mức mỗi con là 750.000 đồng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Th được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được

cản trở; vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị Trương Thị Th chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0010442 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắk; chị Th đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND H. Lắk;
- Chi cục THADS H. Lắk;
- TAND tỉnh (P. GĐ-KTNV-THAHS);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Hưng